

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 348

Phẩm 59: VÔ TẬN (2)

Thiện Hiện nên biết, vì Bồ thí ba-la-mật-đa như hư không vô tận nên Đại Bồ-tát phải phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; vì Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tịch lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa như hư không vô tận nên Đại Bồ-tát phải phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Thiện Hiện nên biết, vì pháp không bên trong như hư không vô tận nên Đại Bồ-tát phải phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; vì pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đối khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh như hư không vô tận nên Đại Bồ-tát phải phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Thiện Hiện nên biết, vì chân như như hư không vô tận nên Đại Bồ-tát phải phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; vì pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đối khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn như hư không vô tận nên Đại Bồ-tát phải phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Thiện Hiện nên biết, vì Thánh đế khổ như hư không vô tận nên Đại Bồ-tát phải phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; vì Thánh đế tập, diệt, đạo như hư không vô tận nên Đại Bồ-tát phải phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Thiện Hiện nên biết, vì bốn Tịch lự như hư không vô tận nên Đại Bồ-tát phải phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc như hư không vô tận nên Đại Bồ-tát phải phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Thiện Hiện nên biết, vì tám Giải thoát như hư không vô tận nên Đại Bồ-tát phải phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; vì tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ như hư không vô tận nên Đại Bồ-tát phải phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Thiện Hiện nên biết, vì bốn Niệm trụ như hư không vô tận nên Đại Bồ-tát phải phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; vì bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đăng giác, tám chi Thánh đạo như hư không vô tận nên Đại Bồ-tát phải phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Thiện Hiện nên biết, vì pháp môn giải thoát Không như hư không vô tận nên Đại Bồ-tát phải phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện như hư không vô tận nên Đại Bồ-tát phải phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Thiện Hiện nên biết, vì năm loại mắt như hư không vô tận nên Đại Bồ-tát phải phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; vì sáu phép thần thông như hư không vô tận nên Đại Bồ-tát phải phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Thiện Hiện nên biết, vì mười lực của Phật như hư không vô tận nên Đại Bồ-tát phải phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; vì bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt,

đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng như hư không vô tận nên Đại Bồ-tát phải phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Thiện Hiện nên biết, vì pháp không quên mất như hư không vô tận nên Đại Bồ-tát phải phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; vì tánh luôn luôn xả như hư không vô tận nên Đại Bồ-tát phải phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Thiện Hiện nên biết, vì trí Nhất thiết như hư không vô tận nên Đại Bồ-tát phải phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; vì trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng như hư không vô tận nên Đại Bồ-tát phải phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Thiện Hiện nên biết, vì tất cả pháp môn Đà-la-ni như hư không vô tận nên Đại Bồ-tát phải phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; vì tất cả pháp môn Tam-ma-địa như hư không vô tận nên Đại Bồ-tát phải phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Thiện Hiện nên biết, vì quả Dự lưu như hư không vô tận nên Đại Bồ-tát phải phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; vì quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán như hư không vô tận nên Đại Bồ-tát phải phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Thiện Hiện nên biết, vì quả vị Độc giác như hư không vô tận nên Đại Bồ-tát phải phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Thiện Hiện nên biết, vì tất cả hạnh Đại Bồ-tát như hư không vô tận nên Đại Bồ-tát phải phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Thiện Hiện nên biết, vì quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật như hư không vô tận nên Đại Bồ-tát phải phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Thiện Hiện, vì Đại Bồ-tát quán vô minh như hư không vô tận nên phải phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; vì Đại Bồ-tát quán hành như hư không vô tận nên phải phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; vì Đại Bồ-tát quán thức như hư không vô tận nên phải phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; vì Đại Bồ-tát quán danh sắc như hư không vô tận nên phải phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; vì Đại Bồ-tát quán lục xứ như hư không vô tận nên phải phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; vì Đại Bồ-tát quán xúc như hư không vô tận nên phải phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; vì Đại Bồ-tát quán thọ như hư không vô tận nên phải phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; vì Đại Bồ-tát quán ái như hư không vô tận nên phải phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; vì Đại Bồ-tát quán thủ như hư không vô tận nên phải phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; vì Đại Bồ-tát quán hữu như hư không vô tận nên phải phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; vì Đại Bồ-tát quán sinh như hư không vô tận nên phải phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; vì Đại Bồ-tát quán lão tử, sầu bi khổ ưu não như hư không vô tận nên phải phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Này Thiện Hiện, như thế là Đại Bồ-tát phải nên phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Thiện Hiện nên biết, các Đại Bồ-tát quán sát mười hai chi duyên khởi như thế, xa lìa hai bên thì các Bồ-tát ấy chẳng còn phải thêm một sự quán xét thâm diệu nào nữa.

Thiện Hiện nên biết, các Đại Bồ-tát ngồi tòa Bồ-đề, như thật quán sát về mười hai chi duyên khởi giống như hư không chẳng thể cùng tận nên có khả năng mau chứng đắc trí Nhất thiết trí.

Thiện Hiện nên biết, nếu Đức Thế Tôn dựa vào hành tướng như hư không vô tận mà tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, như thật quán sát về mười hai chi duyên khởi thì chẳng rơi vào bậc Thanh văn và Độc giác, sẽ an trú nơi quả vị Giác ngộ cao tột.

Này Thiện Hiện, các hữu tình trụ nơi Bồ-tát thừa nếu đối với quả vị Giác ngộ cao tột có sự thoái chuyển đều do chẳng nương vào tác ý thiện xảo để phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa, do họ chẳng hiểu Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa có khả năng dùng

hành tướng vô tận như hư không, như thật quán sát về mười hai chi duyên khởi, để phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế nào?

Thiện Hiện nên biết, các hữu tình an trú nơi Bồ-tát thừa, nếu đối với quả vị Giác ngộ cao tột có sự thoái chuyển là đều do xa lìa phương tiện thiện xảo để phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Thiện Hiện nên biết, nếu Đại Bồ-tát đối với quả vị Giác ngộ cao tột mà không thoái chuyển là do nương vào phương tiện thiện xảo để phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa. Đại Bồ-tát ấy, do nương vào phương tiện thiện xảo như thế, tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng hành tướng vô tận như hư không, như thật quán sát về mười hai chi duyên khởi, phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa. Đại Bồ-tát ấy do nương vào phương tiện thiện xảo như thế mà tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng hành tướng vô tận như hư không, như thật quán sát về Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, do đó mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi quán sát pháp duyên khởi như thế, chẳng thấy có pháp nào không mà sinh khởi, chẳng thấy có pháp nào không mà hoại diệt; chẳng thấy có pháp nào thường trụ bất diệt; chẳng thấy có pháp nào có ngã, hữu tình, dòng sinh mạng, khả năng sinh khởi, sự nuôi dưỡng, sự trưởng thành, chủ thể luân hồi, ý sinh, nho đồng, khả năng làm việc, khả năng khiến người làm việc, khả năng tạo nghiệp, khả năng khiến người tạo nghiệp, khả năng thọ quả báo, khả năng khiến người thọ quả báo, khả năng hiểu biết, khả năng khiến người hiểu biết, khả năng nhận thức, khả năng khiến người nhận thức; chẳng thấy có pháp nào hoặc thường, hoặc vô thường, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc ngã, hoặc vô ngã, hoặc tịnh, hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh, hoặc xa lìa, hoặc chẳng xa lìa.

Thiện Hiện nên biết, các Đại Bồ-tát muốn tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa thì nên quán sát duyên khởi như thế mà dốc tu tập.

Thiện Hiện nên biết, nếu khi nào Đại Bồ-tát tu hành đúng nẻo Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu thì khi ấy Đại Bồ-tát chẳng thấy sắc thường, hoặc vô thường, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc ngã, hoặc vô ngã, hoặc tịnh, hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh, hoặc xa lìa, hoặc chẳng xa lìa; cũng chẳng thấy thọ, tưởng, hành, thức hoặc thường, hoặc vô thường, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc ngã, hoặc vô ngã, hoặc tịnh, hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh, hoặc xa lìa, hoặc chẳng xa lìa.

Nếu khi nào Đại Bồ-tát tu hành đúng nẻo Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu thì khi ấy Đại Bồ-tát chẳng thấy nhãn xứ hoặc thường, hoặc vô thường, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc ngã, hoặc vô ngã, hoặc tịnh, hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh, hoặc xa lìa, hoặc chẳng xa lìa; cũng chẳng thấy nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ hoặc thường, hoặc vô thường, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc ngã, hoặc vô ngã, hoặc tịnh, hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh, hoặc xa lìa, hoặc chẳng xa lìa.

Nếu khi nào Đại Bồ-tát tu hành đúng nẻo Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu thì khi ấy Đại Bồ-tát chẳng thấy sắc xứ hoặc thường, hoặc vô thường, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc ngã, hoặc vô ngã, hoặc tịnh, hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh, hoặc xa lìa, hoặc chẳng xa lìa; cũng chẳng thấy thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ hoặc thường, hoặc vô thường, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc ngã, hoặc vô ngã, hoặc tịnh, hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh, hoặc xa lìa, hoặc chẳng xa lìa.

Nếu khi nào Đại Bồ-tát tu hành đúng nẻo Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu thì khi ấy Đại Bồ-tát chẳng thấy nhãn giới hoặc thường, hoặc vô thường, hoặc lạc, hoặc khổ,

hoặc ngã, hoặc vô ngã, hoặc tịnh, hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh, hoặc xa lìa, hoặc chẳng xa lìa; cũng chẳng thấy nhĩ, tử, thiệt, thân, ý giới hoặc thường, hoặc vô thường, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc ngã, hoặc vô ngã, hoặc tịnh, hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh, hoặc xa lìa, hoặc chẳng xa lìa.

Nếu khi nào Đại Bồ-tát tu hành đúng nẻo Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu thì khi ấy Đại Bồ-tát chẳng thấy sắc giới hoặc thường, hoặc vô thường, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc ngã, hoặc vô ngã, hoặc tịnh, hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh, hoặc xa lìa, hoặc chẳng xa lìa; cũng chẳng thấy thanh, hương, vị, xúc, pháp giới hoặc thường, hoặc vô thường, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc ngã, hoặc vô ngã, hoặc tịnh, hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh, hoặc xa lìa, hoặc chẳng xa lìa.

Nếu khi nào Đại Bồ-tát tu hành đúng nẻo Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu thì khi ấy Đại Bồ-tát chẳng thấy nhãn thức giới hoặc thường, hoặc vô thường, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc ngã, hoặc vô ngã, hoặc tịnh, hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh, hoặc xa lìa, hoặc chẳng xa lìa; cũng chẳng thấy nhĩ, tử, thiệt, thân, ý thức giới hoặc thường, hoặc vô thường, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc ngã, hoặc vô ngã, hoặc tịnh, hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh, hoặc xa lìa, hoặc chẳng xa lìa.

Nếu khi nào Đại Bồ-tát tu hành đúng nẻo Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu thì khi ấy Đại Bồ-tát chẳng thấy nhãn xúc hoặc thường, hoặc vô thường, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc ngã, hoặc vô ngã, hoặc tịnh, hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh, hoặc xa lìa, hoặc chẳng xa lìa; cũng chẳng thấy nhĩ, tử, thiệt, thân, ý xúc hoặc thường, hoặc vô thường, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc ngã, hoặc vô ngã, hoặc tịnh, hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh, hoặc xa lìa, hoặc chẳng xa lìa.

Nếu khi nào Đại Bồ-tát tu hành đúng nẻo Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu thì khi ấy Đại Bồ-tát chẳng thấy các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra hoặc thường, hoặc vô thường, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc ngã, hoặc vô ngã, hoặc tịnh, hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh, hoặc xa lìa, hoặc chẳng xa lìa; cũng chẳng thấy các thọ do nhĩ, tử, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra hoặc thường, hoặc vô thường, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc ngã, hoặc vô ngã, hoặc tịnh, hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh, hoặc xa lìa, hoặc chẳng xa lìa.

Nếu khi nào Đại Bồ-tát tu hành đúng nẻo Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu thì khi ấy Đại Bồ-tát chẳng thấy địa giới hoặc thường, hoặc vô thường, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc ngã, hoặc vô ngã, hoặc tịnh, hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh, hoặc xa lìa, hoặc chẳng xa lìa; cũng chẳng thấy thủy, hỏa, phong, không, thức giới hoặc thường, hoặc vô thường, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc ngã, hoặc vô ngã, hoặc tịnh, hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh, hoặc xa lìa, hoặc chẳng xa lìa.

Nếu khi nào Đại Bồ-tát tu hành đúng nẻo Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu thì khi ấy Đại Bồ-tát chẳng thấy vô minh hoặc thường, hoặc vô thường, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc ngã, hoặc vô ngã, hoặc tịnh, hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh, hoặc xa lìa, hoặc chẳng xa lìa; cũng chẳng thấy hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử hoặc thường, hoặc vô thường, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc ngã, hoặc vô ngã, hoặc tịnh, hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh, hoặc xa lìa, hoặc chẳng xa lìa.

Nếu khi nào Đại Bồ-tát tu hành đúng nẻo Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu thì khi ấy Đại Bồ-tát chẳng thấy Bồ thí ba-la-mật-đa hoặc thường, hoặc vô thường, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc ngã, hoặc vô ngã, hoặc tịnh, hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh, hoặc chẳng

tịch tĩnh, hoặc xa lìa, hoặc chẳng xa lìa; cũng chẳng thấy Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa hoặc thường, hoặc vô thường, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc ngã, hoặc vô ngã, hoặc tịnh, hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh, hoặc xa lìa, hoặc chẳng xa lìa.

Nếu khi nào Đại Bồ-tát tu hành đúng nẻo Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu thì khi ấy Đại Bồ-tát chẳng thấy pháp không bên trong hoặc thường, hoặc vô thường, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc ngã, hoặc vô ngã, hoặc tịnh, hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh, hoặc xa lìa, hoặc chẳng xa lìa; cũng chẳng thấy pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đối khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh hoặc thường, hoặc vô thường, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc ngã, hoặc vô ngã, hoặc tịnh, hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh, hoặc xa lìa, hoặc chẳng xa lìa.

Nếu khi nào Đại Bồ-tát tu hành đúng nẻo Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu thì khi ấy Đại Bồ-tát chẳng thấy chân như hoặc thường, hoặc vô thường, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc ngã, hoặc vô ngã, hoặc tịnh, hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh, hoặc xa lìa, hoặc chẳng xa lìa; cũng chẳng thấy pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đối khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn hoặc thường, hoặc vô thường, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc ngã, hoặc vô ngã, hoặc tịnh, hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh, hoặc xa lìa, hoặc chẳng xa lìa.

Nếu khi nào Đại Bồ-tát tu hành đúng nẻo Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu thì khi ấy Đại Bồ-tát chẳng thấy Thánh đế khổ hoặc thường, hoặc vô thường, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc ngã, hoặc vô ngã, hoặc tịnh, hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh, hoặc xa lìa, hoặc chẳng xa lìa; cũng chẳng thấy Thánh đế tập, diệt, đạo hoặc thường, hoặc vô thường, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc ngã, hoặc vô ngã, hoặc tịnh, hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh, hoặc xa lìa, hoặc chẳng xa lìa.

Nếu khi nào Đại Bồ-tát tu hành đúng nẻo Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu thì khi ấy Đại Bồ-tát chẳng thấy bốn Tĩnh lự hoặc thường, hoặc vô thường, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc ngã, hoặc vô ngã, hoặc tịnh, hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh, hoặc xa lìa, hoặc chẳng xa lìa; cũng chẳng thấy bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc hoặc thường, hoặc vô thường, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc ngã, hoặc vô ngã, hoặc tịnh, hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh, hoặc xa lìa, hoặc chẳng xa lìa.

Nếu khi nào Đại Bồ-tát tu hành đúng nẻo Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu thì khi ấy Đại Bồ-tát chẳng thấy tám Giải thoát hoặc thường, hoặc vô thường, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc ngã, hoặc vô ngã, hoặc tịnh, hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh, hoặc xa lìa, hoặc chẳng xa lìa; cũng chẳng thấy tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ hoặc thường, hoặc vô thường, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc ngã, hoặc vô ngã, hoặc tịnh, hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh, hoặc xa lìa, hoặc chẳng xa lìa.

Nếu khi nào Đại Bồ-tát tu hành đúng nẻo Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu thì khi ấy Đại Bồ-tát chẳng thấy bốn Niệm trụ hoặc thường, hoặc vô thường, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc ngã, hoặc vô ngã, hoặc tịnh, hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch

tĩnh, hoặc xa lìa, hoặc chẳng xa lìa; cũng chẳng thấy bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đăng giác, tám chi Thánh đạo hoặc thường, hoặc vô thường, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc ngã, hoặc vô ngã, hoặc tịnh, hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh, hoặc xa lìa, hoặc chẳng xa lìa.

Nếu khi nào Đại Bồ-tát tu hành đúng nẻo Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu thì khi ấy Đại Bồ-tát chẳng thấy pháp môn giải thoát Không hoặc thường, hoặc vô thường, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc ngã, hoặc vô ngã, hoặc tịnh, hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh, hoặc xa lìa, hoặc chẳng xa lìa; cũng chẳng thấy pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyên hoặc thường, hoặc vô thường, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc ngã, hoặc vô ngã, hoặc tịnh, hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh, hoặc xa lìa, hoặc chẳng xa lìa.

Nếu khi nào Đại Bồ-tát tu hành đúng nẻo Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu thì khi ấy Đại Bồ-tát chẳng thấy năm loại mắt hoặc thường, hoặc vô thường, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc ngã, hoặc vô ngã, hoặc tịnh, hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh, hoặc xa lìa, hoặc chẳng xa lìa; cũng chẳng thấy sáu phép thần thông hoặc thường, hoặc vô thường, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc ngã, hoặc vô ngã, hoặc tịnh, hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh, hoặc xa lìa, hoặc chẳng xa lìa.

Nếu khi nào Đại Bồ-tát tu hành đúng nẻo Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu thì khi ấy Đại Bồ-tát chẳng thấy mười lực của Phật hoặc thường, hoặc vô thường, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc ngã, hoặc vô ngã, hoặc tịnh, hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh, hoặc xa lìa, hoặc chẳng xa lìa; cũng chẳng thấy bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng hoặc thường, hoặc vô thường, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc ngã, hoặc vô ngã, hoặc tịnh, hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh, hoặc xa lìa, hoặc chẳng xa lìa.

Nếu khi nào Đại Bồ-tát tu hành đúng nẻo Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu thì khi ấy Đại Bồ-tát chẳng thấy pháp không quên mất hoặc thường, hoặc vô thường, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc ngã, hoặc vô ngã, hoặc tịnh, hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh, hoặc xa lìa, hoặc chẳng xa lìa; cũng chẳng thấy tánh luôn luôn xả hoặc thường, hoặc vô thường, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc ngã, hoặc vô ngã, hoặc tịnh, hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh, hoặc xa lìa, hoặc chẳng xa lìa.

Nếu khi nào Đại Bồ-tát tu hành đúng nẻo Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu thì khi ấy Đại Bồ-tát chẳng thấy trí Nhất thiết hoặc thường, hoặc vô thường, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc ngã, hoặc vô ngã, hoặc tịnh, hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh, hoặc xa lìa, hoặc chẳng xa lìa; cũng chẳng thấy trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng hoặc thường, hoặc vô thường, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc ngã, hoặc vô ngã, hoặc tịnh, hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh, hoặc xa lìa, hoặc chẳng xa lìa.

Nếu khi nào Đại Bồ-tát tu hành đúng nẻo Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu thì khi ấy Đại Bồ-tát chẳng thấy tất cả pháp môn Đà-la-ni hoặc thường, hoặc vô thường, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc ngã, hoặc vô ngã, hoặc tịnh, hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh, hoặc xa lìa, hoặc chẳng xa lìa; cũng chẳng thấy tất cả pháp môn Tam-ma-địa hoặc thường, hoặc vô thường, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc ngã, hoặc vô ngã, hoặc tịnh, hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh, hoặc xa lìa, hoặc chẳng xa lìa.

Nếu khi nào Đại Bồ-tát tu hành đúng nẻo Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu thì khi ấy Đại Bồ-tát chẳng thấy quả Dự lưu hoặc thường, hoặc vô thường, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc ngã, hoặc vô ngã, hoặc tịnh, hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh,

hoặc xa lìa, hoặc chẳng xa lìa; cũng chẳng thấy quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán hoặc thường, hoặc vô thường, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc ngã, hoặc vô ngã, hoặc tịnh, hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh, hoặc xa lìa, hoặc chẳng xa lìa.

Nếu khi nào Đại Bồ-tát tu hành đúng nẻo Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu thì khi ấy Đại Bồ-tát chẳng thấy quả vị Độc giác hoặc thường, hoặc vô thường, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc ngã, hoặc vô ngã, hoặc tịnh, hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh, hoặc xa lìa, hoặc chẳng xa lìa.

Nếu khi nào Đại Bồ-tát tu hành đúng nẻo Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu thì khi ấy Đại Bồ-tát chẳng thấy tất cả hạnh Đại Bồ-tát hoặc thường, hoặc vô thường, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc ngã, hoặc vô ngã, hoặc tịnh, hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh, hoặc xa lìa, hoặc chẳng xa lìa.

Nếu khi nào Đại Bồ-tát tu hành đúng nẻo Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu thì khi ấy Đại Bồ-tát chẳng thấy quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật hoặc thường, hoặc vô thường, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc ngã, hoặc vô ngã, hoặc tịnh, hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh, hoặc xa lìa, hoặc chẳng xa lìa.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu khi nào Đại Bồ-tát tu hành đúng nẻo Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu thì khi ấy Đại Bồ-tát tuy tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa mà chẳng thấy có Bát-nhã ba-la-mật-đa là đối tượng tu hành; lại cũng chẳng thấy có pháp có thể nhận thấy đối tượng tu hành là Bát-nhã ba-la-mật-đa. Nếu khi nào Đại Bồ-tát tu hành đúng nẻo Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu thì khi ấy Đại Bồ-tát tuy tu hành Tĩnh lự, Tĩnh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bồ thí ba-la-mật-đa, nhưng chẳng thấy có đối tượng tu hành là Tĩnh lự cho đến Bồ thí ba-la-mật-đa; lại cũng chẳng thấy có pháp có thể nhận thấy đối tượng tu hành là Tĩnh lự cho đến Bồ thí ba-la-mật-đa.

Nếu khi nào Đại Bồ-tát tu hành đúng nẻo Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu thì khi ấy Đại Bồ-tát tuy an trú nơi pháp không bên trong mà chẳng thấy có đối tượng được an trú nơi pháp không bên trong; lại cũng chẳng thấy có pháp có thể nhận thấy đối tượng an trú nơi pháp không bên trong. Nếu khi nào Đại Bồ-tát tu hành đúng nẻo Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu thì khi ấy Đại Bồ-tát tuy an trú nơi pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đối khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh nhưng chẳng thấy có đối tượng được an trú nơi pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh; lại cũng chẳng thấy có pháp có thể nhận thấy đối tượng được an trú nơi pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh.

Nếu khi nào Đại Bồ-tát tu hành đúng nẻo Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu thì khi ấy Đại Bồ-tát tuy an trú nơi chân như mà chẳng thấy có đối tượng được an trú nơi chân như; lại cũng chẳng thấy có pháp có thể nhận thấy đối tượng an trú nơi chân như. Nếu khi nào Đại Bồ-tát tu hành đúng nẻo Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu thì khi ấy Đại Bồ-tát tuy an trú nơi pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đối khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn mà chẳng thấy có đối tượng được an trú nơi pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; lại cũng chẳng thấy có pháp có thể nhận thấy đối tượng được an trú nơi pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Nếu khi nào Đại Bồ-tát tu hành đúng nẻo Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu thì khi ấy Đại Bồ-tát tuy an trú nơi Thánh đế khổ mà chẳng thấy có đối tượng được an trú nơi Thánh đế khổ; lại cũng chẳng thấy có pháp có thể nhận thấy đối tượng an trú nơi Thánh đế khổ. Nếu khi nào Đại Bồ-tát tu hành đúng nẻo Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu thì khi ấy Đại Bồ-tát tuy an trú nơi Thánh đế tập, diệt, đạo mà chẳng thấy có đối tượng được an trú nơi Thánh đế tập, diệt, đạo; lại cũng chẳng thấy có pháp có thể nhận thấy đối tượng được an trú nơi Thánh đế tập, diệt, đạo.

Nếu khi nào Đại Bồ-tát tu hành đúng nẻo Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu thì khi ấy Đại Bồ-tát tuy tu bốn Tĩnh lự mà chẳng thấy có đối tượng được tu hành là bốn Tĩnh lự; lại cũng chẳng thấy có pháp có thể nhận thấy đối tượng tu hành là bốn Tĩnh lự. Nếu khi nào Đại Bồ-tát tu hành đúng nẻo Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu thì khi ấy Đại Bồ-tát tuy tu bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc mà chẳng thấy có đối tượng được tu hành là bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; lại cũng chẳng thấy có pháp có thể nhận thấy đối tượng được tu hành là bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc.

Nếu khi nào Đại Bồ-tát tu hành đúng nẻo Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu thì khi ấy Đại Bồ-tát tuy tu tám Giải thoát mà chẳng thấy có đối tượng được tu hành là tám Giải thoát; lại cũng chẳng thấy có pháp có thể nhận thấy đối tượng tu hành là tám Giải thoát. Nếu khi nào Đại Bồ-tát tu hành đúng nẻo Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu thì khi ấy Đại Bồ-tát tuy tu tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ mà chẳng thấy có đối tượng được tu hành là tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; lại cũng chẳng thấy có pháp có thể nhận thấy đối tượng được tu hành là tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ.

Nếu khi nào Đại Bồ-tát tu hành đúng nẻo Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu thì khi ấy Đại Bồ-tát tuy tu bốn Niệm trụ mà chẳng thấy có đối tượng được tu hành là bốn Niệm trụ; lại cũng chẳng thấy có pháp có thể nhận thấy đối tượng tu hành là bốn Niệm trụ. Nếu khi nào Đại Bồ-tát tu hành đúng nẻo Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu thì khi ấy Đại Bồ-tát tuy tu bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đăng giác, tám chi Thánh đạo mà chẳng thấy có đối tượng được tu hành là bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo; lại cũng chẳng thấy có pháp có thể nhận thấy đối tượng được tu hành là bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo.

Nếu khi nào Đại Bồ-tát tu hành đúng nẻo Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu thì khi ấy Đại Bồ-tát tuy tu pháp môn giải thoát Không mà chẳng thấy có đối tượng được tu hành là pháp môn giải thoát Không; lại cũng chẳng thấy có pháp có thể nhận thấy đối tượng tu hành là pháp môn giải thoát Không. Nếu khi nào Đại Bồ-tát tu hành đúng nẻo Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu thì khi ấy Đại Bồ-tát tuy tu pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện mà chẳng thấy có đối tượng được tu hành là pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện; lại cũng chẳng thấy có pháp có thể nhận thấy đối tượng được tu hành là pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện.

Nếu khi nào Đại Bồ-tát tu hành đúng nẻo Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu thì khi ấy Đại Bồ-tát tuy tu năm loại mắt mà chẳng thấy có đối tượng được tu hành là năm loại mắt; lại cũng chẳng thấy có pháp có thể nhận thấy đối tượng tu hành là năm loại mắt. Nếu khi nào Đại Bồ-tát tu hành đúng nẻo Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu thì khi ấy Đại Bồ-tát tuy tu sáu phép thần thông mà chẳng thấy có đối tượng được tu hành là sáu phép thần thông; lại cũng chẳng thấy có pháp có thể nhận thấy đối tượng được tu hành là sáu phép thần thông.

Nếu khi nào Đại Bồ-tát tu hành đúng nẻo Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu thì khi ấy Đại Bồ-tát tuy tu mười lực của Phật mà chẳng thấy có đối tượng được tu hành là

mười lực của Phật; lại cũng chẳng thấy có pháp có thể nhận thấy đối tượng tu hành là mười lực của Phật. Nếu khi nào Đại Bồ-tát tu hành đúng nẻo Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu thì khi ấy Đại Bồ-tát tuy tu bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng mà chẳng thấy có đối tượng được tu hành là bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; lại cũng chẳng thấy có pháp có thể nhận thấy đối tượng được tu hành là bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng.

Nếu khi nào Đại Bồ-tát tu hành đúng nẻo Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu thì khi ấy Đại Bồ-tát tuy tu pháp không quên mất mà chẳng thấy có đối tượng được tu hành là pháp không quên mất; lại cũng chẳng thấy có pháp có thể nhận thấy đối tượng tu hành là pháp không quên mất. Nếu khi nào Đại Bồ-tát tu hành đúng nẻo Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu thì khi ấy Đại Bồ-tát tuy tu tánh luôn luôn xả mà chẳng thấy có đối tượng được tu hành là tánh luôn luôn xả; lại cũng chẳng thấy có pháp có thể nhận thấy đối tượng được tu hành là tánh luôn luôn xả.

Nếu khi nào Đại Bồ-tát tu hành đúng nẻo Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu thì khi ấy Đại Bồ-tát tuy tu trí Nhất thiết mà chẳng thấy có đối tượng được tu hành là trí Nhất thiết; lại cũng chẳng thấy có pháp có thể nhận thấy đối tượng tu hành là trí Nhất thiết. Nếu khi nào Đại Bồ-tát tu hành đúng nẻo Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu thì khi ấy Đại Bồ-tát tuy tu trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng mà chẳng thấy có đối tượng được tu hành là trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; lại cũng chẳng thấy có pháp có thể nhận thấy đối tượng được tu hành là trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng.

Nếu khi nào Đại Bồ-tát tu hành đúng nẻo Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu thì khi ấy Đại Bồ-tát tuy tu tất cả pháp môn Đà-la-ni mà chẳng thấy có đối tượng được tu hành là tất cả pháp môn Đà-la-ni; lại cũng chẳng thấy có pháp có thể nhận thấy đối tượng tu hành là tất cả pháp môn Đà-la-ni. Nếu khi nào Đại Bồ-tát tu hành đúng nẻo Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu thì khi ấy Đại Bồ-tát tuy tu tất cả pháp môn Tam-ma-địa mà chẳng thấy có đối tượng được tu hành là tất cả pháp môn Tam-ma-địa; lại cũng chẳng thấy có pháp có thể nhận thấy đối tượng được tu hành là tất cả pháp môn Tam-ma-địa.

Nếu khi nào Đại Bồ-tát tu hành đúng nẻo Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu thì khi ấy Đại Bồ-tát tuy tu tất cả hạnh Đại Bồ-tát mà chẳng thấy có đối tượng được tu hành là tất cả hạnh Đại Bồ-tát; lại cũng chẳng thấy có pháp có thể nhận thấy đối tượng tu hành là tất cả hạnh Đại Bồ-tát.

Nếu khi nào Đại Bồ-tát tu hành đúng nẻo Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu thì khi ấy Đại Bồ-tát tuy tu quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật mà chẳng thấy có đối tượng được tu hành là quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật; lại cũng chẳng thấy có pháp có thể nhận thấy đối tượng được tu hành là quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật.

Thiện Hiện nên biết, các Đại Bồ-tát đối với tất cả pháp hoàn toàn không có sở đắc nhưng vì phương tiện nên hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế.

Này Thiện Hiện, nếu khi nào Đại Bồ-tát đối với tất cả pháp, lấy vô sở đắc mà làm phương tiện, tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế, thì khi ấy ác ma rất lo buồn đau đớn như trúng phải tên độc. Ví như có người mới vừa chôn cất cha mẹ, rất là đau khổ; ác ma bấy giờ thấy các Đại Bồ-tát đối với tất cả pháp, lấy vô sở đắc làm phương tiện, tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế nên rất lo buồn đau khổ khác nào trúng phải tên độc, cũng lại như vậy.

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, có phải chỉ một ác ma thấy các Đại Bồ-tát đối với tất cả pháp, lấy vô sở đắc làm phương tiện, tu hành đúng nẻo Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu, nên rất lo buồn, đau khổ như trúng phải tên độc, hay là tất cả ác ma khắp thế giới ba lần ngàn, thấy các Đại Bồ-tát đối với tất cả pháp, lấy vô sở đắc làm phương tiện, tu hành đúng nẻo Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu, nên rất lo buồn, đau khổ như trúng phải tên độc?

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, tất cả ác ma khắp thế giới ba lần ngàn, thấy các Đại Bồ-tát đối với tất cả pháp, lấy vô sở đắc làm phương tiện, tu hành đúng nẻo Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu, nên rất lo buồn, đau khổ như trúng phải tên độc, ngay nơi chỗ ở của mình chẳng thấy an ổn.

Thiện Hiện nên biết, các Đại Bồ-tát nên thường an trú nơi nẻo an trú tối thắng của Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa. Nếu Đại Bồ-tát thường an trú nơi nẻo an trú tối thắng của Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì các hàng Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian có dò xét tìm kiếm khuyết điểm của vị ấy cũng không thể có được, lại cũng chẳng khiến cho vị ấy lo buồn. Vì vậy, này Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát muốn chứng quả vị Giác ngộ cao tột thì phải siêng năng an trú nơi nẻo an trú tối thắng của Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát có khả năng an trú vững chắc nơi nẻo an trú tối thắng của Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa thì có khả năng tu tập đầy đủ Bồ thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tịch lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa. Nếu Đại Bồ-tát có khả năng tu hành chân chính Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa thì có đủ khả năng tu đầy đủ tất cả các pháp Ba-la-mật-đa.

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát có khả năng tu hành chân chính Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa thì có đủ khả năng tu đầy đủ tất cả các pháp Bồ thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tịch lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Phật bảo Thiện Hiện:

–Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa một cách thuận hợp, dùng tâm của trí Nhất thiết trí mà tu Bồ thí, lại đem công đức Bồ thí ấy ban cho tất cả hữu tình đều có như nhau cùng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, thì này Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát có khả năng tu hành chân chính Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, lại có đủ khả năng tu đầy đủ Bồ thí ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa một cách thuận hợp, dùng tâm của trí Nhất thiết trí mà tu Tịnh giới, lại đem công đức Tịnh giới ấy ban cho tất cả hữu tình đều có như nhau cùng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, thì này Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát có khả năng tu hành chân chính Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, lại có đủ khả năng tu đầy đủ Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa một cách thuận hợp, dùng tâm của trí Nhất thiết trí mà tu An nhẫn, lại đem công đức An nhẫn ấy ban cho tất cả hữu tình đều có như nhau cùng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, thì này Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát có khả năng tu hành chân chính Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, lại có đủ khả năng tu đầy đủ An nhẫn ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa một cách thuận hợp, dùng tâm của trí Nhất thiết trí mà tu Tinh tấn, lại đem công đức Tinh tấn ấy ban cho tất cả hữu tình đều có như nhau cùng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, thì này Thiện Hiện,

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

đó là Đại Bồ-tát có khả năng tu hành chân chính Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, lại có đủ khả năng tu đầy đủ Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa một cách thuận hợp, dùng tâm của trí Nhất thiết trí mà tu Tĩnh lự, lại đem công đức Tĩnh lự ấy ban cho tất cả hữu tình đều có như nhau cùng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, thì này Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát có khả năng tu hành chân chính Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, lại có đủ khả năng tu đầy đủ Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa một cách thuận hợp, dùng tâm của trí Nhất thiết trí mà tu Bát-nhã, lại đem công đức Bát-nhã ấy ban cho tất cả hữu tình đều có như nhau cùng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, thì này Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát có khả năng tu hành chân chính Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, lại có đủ khả năng tu đầy đủ Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Này Thiện Hiện, như vậy là các Đại Bồ-tát có khả năng tu hành chân chính Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, lại có đủ khả năng tu đầy đủ Bồ thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa.

